

Số: 330/UBND-KT

Uông Bí, ngày 30 tháng 01 năm 2024

V/v tiếp tục rà soát, triển khai thực hiện các chỉ tiêu tiêu chí trong Chương trình xây dựng nông thôn mới.

Kính gửi:

- Các phòng, ban, ngành, đơn vị liên quan;
- Ủy ban nhân dân xã Thượng Yên Công.

Thực hiện Thông báo số 08/TB-UBND ngày 12/01/2024 của Văn phòng UBND tỉnh Quảng Ninh; Thông báo số 12/TB-UBND ngày 09/01/2024 của UBND thành phố Uông Bí về việc: Thông báo Kết luận của đồng chí Nguyễn Đức Hòa - Phó Chủ tịch UBND thành phố tại cuộc họp trực tuyến với UBND tỉnh về nghe báo cáo công tác chuẩn bị sơ kết 03 năm thực hiện Nghị quyết 06-NQ/TU của BCH Đảng bộ tỉnh. Để tiếp tục nâng cao chất lượng các chỉ tiêu, tiêu chí xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao; hoàn thành các chỉ tiêu, tiêu chí nông thôn mới kiểu mẫu theo bộ tiêu chí giai đoạn 2021-2025. UBND thành phố yêu cầu các phòng, ban, ngành, đơn vị liên quan, UBND xã Thượng Yên Công thực hiện các nội dung công việc sau đây:

1. Căn cứ Quyết định số 2454/QĐ-UBND ngày 26/8/2022 của UBND tỉnh Quảng Ninh, căn cứ Quyết định số 45/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 của UBND tỉnh Quảng Ninh, căn cứ Kế hoạch số 422/KH-UBND ngày 07/3/2023 của UBND Thành phố về triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới thành phố Uông Bí đến năm 2025. UBND thành phố phân công nhiệm vụ cụ thể cho các phòng, ban, ngành, đơn vị liên quan phụ trách kiểm tra, hướng dẫn, báo cáo các chỉ tiêu, tiêu chí liên quan đến thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố năm 2024-2025. (có biểu phân công chi tiết kèm theo)

2. Riêng tiêu chí số 04 về nội dung Thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới, đề nghị Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Uông Bí chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện.

3. Căn cứ Báo cáo số 06/VPĐPNTM-NV ngày 08/01/2024; Công Văn số: 44/VPĐPNTM-NV ngày 23/01/2024 của Văn phòng Điều phối Nông thôn mới tỉnh Quảng Ninh về việc hoàn thành các chỉ tiêu, tiêu chí trong xây dựng Nông thôn mới. Tiếp tục rà soát, triển khai thực hiện các chỉ tiêu trong xây dựng nông thôn mới:

3.1. Các phòng, ban, đơn vị chuyên môn được phân công nhiệm vụ phụ trách, kiểm tra hướng dẫn, báo cáo các chỉ tiêu tiêu chí trong thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới (được phân công tại mục 1); cập nhật số liệu báo cáo đến ngày 31/12/2023 số liệu phải thống nhất với số liệu báo cáo các sở ngành chuyên môn cấp trên.

3.2. UBND xã Thượng Yên Công báo cáo kết quả thực hiện các chỉ tiêu. Tiêu chí xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn xã đến ngày 31/12/2023, số liệu phải thống nhất với số liệu của các phòng, ban, đơn vị chuyên môn phụ trách các chỉ tiêu tiêu chí.

Báo cáo của các phòng, ban, đơn vị, UBND xã Thượng Yên Công gửi về Văn phòng Điều phối Nông thôn mới Thành phố (phòng Kinh tế) để tổng hợp trước ngày 20/02/2024.

UBND Thành phố Uông Bí yêu cầu Văn phòng Điều phối nông thôn mới, các phòng, đơn vị liên quan, UBND xã Thượng Yên Công triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- TT Thành ủy, TT UBND (B/c);
- MTTQ Việt Nam thành phố Uông Bí (P/h);
- Như kính gửi (T/h);
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Đức Hòa

Biểu I**PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ CHO CÁC PHÒNG, BAN NGÀNH HƯỚNG DẪN, KIỂM TRA, ĐÔN ĐỐC THỰC HIỆN CÁC TIÊU CHÍ/ CHỈ TIÊU VỀ XÃ NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2021 - 2025***(Kèm theo Công văn số: 330/UBND-KT ngày 30 tháng 01 năm 2024 của UBND thành phố)*

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Đơn vị chủ trì	Ghi chú
I. QUY HOẠCH				
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của xã giai đoạn 2021 - 2025 (trong đó có quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn) và được công bố công khai đúng thời hạn	P.Quản lý Đô thị	CV 2307/BXD-QHKT ngày 27/6/2022
		1.2. Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch	P.Quản lý Đô thị	
II. HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI				
2	Giao thông	2.1. Tỷ lệ đường xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	P.Quản lý Đô thị	
		2.2. Tỷ lệ đường thôn, bản, ấp và đường liên thôn, bản, ấp ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	P.Quản lý Đô thị	
		2.3. Tỷ lệ đường ngõ, xóm sạch và đảm bảo đi lại thuận tiện quanh năm	P.Quản lý Đô thị	
		2.4. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm	P.Quản lý Đô thị	
3	Thuỷ lợi và phòng, chống thiên tai	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên	P. Kinh tế	
		3.2. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ	P. Kinh tế	
4	Điện	4.1. Hệ thống điện đạt chuẩn	P. Kinh tế	
		4.2. Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn	P. Kinh tế	
5	Trường học	Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS; hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất theo quy định	P. Giáo dục và Đào tạo	
6	Cơ sở vật chất	6.1. Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh	P.Văn hóa và Thông tin	

	văn hoá	hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã		
		6.2. Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định		
		6.3. Tỷ lệ thôn, bản, ấp có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng		
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa	P. Kinh tế	
8	Thông tin và Truyền thông	8.1. Xã có điểm phục vụ bưu chính	P.Văn hóa và Thông tin	
		8.2. Xã có dịch vụ viễn thông, internet		
		8.3. Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn		
		8.4. Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành		
9	Nhà ở dân cư	9.1. Nhà tạm, dột nát	P.Quản lý Đô thị	
		9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố	P.Quản lý Đô thị	
III. KINH TẾ VÀ TỔ CHỨC SẢN XUẤT				
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người (<i>triệu đồng/ người</i>)	Chi cục Thống kê	
11	Nghèo đa chiều	Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025		
12	Lao động	12.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	P. Lao động TBXH	
		12.2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)		
13	Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn	13.1. Xã có hợp tác xã hoạt động hiệu quả và theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã	P.Tài chính kế hoạch	
		13.2. Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chủ lực đảm bảo bền vững	P. Kinh tế	
		13.3. Thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã gắn với xây dựng vùng nguyên liệu và được chứng nhận VietGAP hoặc tương đương		
		13.4. Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bảo tồn, phát triển làng nghề, làng nghề truyền thống (nếu có) gắn với hạ tầng về bảo vệ môi trường		
		13.5. Có tổ khuyến nông cộng đồng hoạt động hiệu quả		
IV. VĂN HÓA - XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG				

14	Giáo dục và Đào tạo	14.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; phổ cập giáo dục tiểu học; phổ cập giáo dục trung học cơ sở; xóa mù chữ	P. Giáo dục và Đào tạo	
		14.2. Tỷ lệ học sinh (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, giáo dục thường xuyên, trung cấp)		
15	Y tế	15.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	phòng Y tế	
		15.2. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế		
		15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)		
		15.4. Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử		
16	Văn hoá	Tỷ lệ thôn, bản, ấp đạt tiêu chuẩn văn hoá theo quy định, có kế hoạch và thực hiện kế hoạch xây dựng nông thôn mới	P.Văn hóa và Thông tin	
17	Môi trường và an toàn thực phẩm	17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn	P. Kinh tế	CV 1522/BNN-VPĐP ngày 13/5/2022 và CV số: 2155/BTNMT-TCMT ngày 25/4/2022
		17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	P. Tài nguyên&MT	
		17.3. Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; không để xảy ra tồn đọng nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung	P. Tài nguyên&MT	
		17.4. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn	P.Quản lý Đô thị	
		17.5. Mai táng, hỏa táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch	P.Quản lý Đô thị	CV số 2307/BXD-QHKT ngày 27/6/2022
		17.6. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định	P. Tài nguyên&MT	CV 1522/BNN-VPĐP ngày 13/5/2022 và CV số: 2155/BTNMT-TCMT ngày 25/4/2022
		17.7. Tỷ lệ bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng và chất thải rắn y tế được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường	P. Tài nguyên&MT	
		17.8. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch	P. Tài nguyên&MT	
		17.9. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường	P. Kinh tế	
		17.10. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm	P. Kinh tế + phòng Y tế	Tùy thuộc vào nhóm sản phẩm thực phẩm NĐ 15/2018/NĐ-CP ngày 02/2/2018 của Chính phủ
		17.11. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn	P. Tài nguyên&MT	CV 1522/BNN-VPĐP ngày 13/5/2022 và CV số: 2155/BTNMT-
17.12. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái				

		chế, xử lý theo quy định	P. Tài nguyên&MT	TCMT ngày 25/4/2022
V. HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ				
18	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn	P. Nội vụ	
		18.2. Đảng bộ, chính quyền xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	P. Nội vụ	
		18.3. Tổ chức chính trị - xã hội của xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	P. Nội vụ	
		18.4. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định	P. Tư pháp	
		18.5. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; phòng chống bạo lực trên cơ sở giới; phòng chống xâm hại trẻ em; bảo vệ và hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn (nếu có); bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong gia đình và đời sống xã hội	P. Lao động-TBXH	
		18.6. Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bồi dưỡng kiến thức về xây dựng nông thôn mới cho người dân, đào tạo nâng cao năng lực cộng đồng gắn với nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Phát triển thôn	P. Kinh tế	
19	Quốc phòng và An ninh	19.1. Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng	Ban Chỉ huy Quân sự thành phố	
		19.2. Không có hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia; không có khiếu kiện đông người kéo dài trái pháp luật; không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội đặc biệt nghiêm trọng hoặc phạm các tội về xâm hại trẻ em; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc,...) và tai nạn giao thông, cháy, nổ được kiểm chế, giảm so với năm trước; có một trong các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả	Công an thành phố	

Biểu II

PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ CHO CÁC PHÒNG, BAN NGÀNH HƯỚNG DẪN, KIỂM TRA, ĐÔN ĐỐC THỰC HIỆN CÁC TIÊU CHÍ/ CHỈ TIÊU VỀ XÃ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

(Kèm theo Công văn số: 330/UBND-KT ngày 30 tháng 01 năm 2024 của UBND thành phố)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Đơn vị chủ trì	Chi chú	
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã còn thời hạn hoặc đã được rà soát, điều chỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch	P. Quản lý Đô thị		
		1.2. Có quy chế quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch			
		1.3. Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư mới phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với định hướng đô thị hóa theo quy hoạch cấp trên			
2	Giao thông	2.1. Tỷ lệ đường xã được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) theo quy định	P. Quản lý Đô thị		
		2.2. Tỷ lệ đường thôn, bản, ấp và đường liên thôn, bản, ấp		Được cứng hóa và bảo trì hàng năm	
		Có các hạng mục cần thiết theo quy định (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) và đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp			
		2.3. Tỷ lệ đường ngõ, xóm được cứng hóa, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp			
		2.4. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng được cứng hóa đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hóa			
3	Thủy lợi và phòng, chống thiên tai	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động	P. Kinh tế		
		3.2. Có ít nhất 01 tổ chức thủy lợi cơ sở hoạt động hiệu quả, bền vững			
		3.3. Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực của địa phương được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước			
		3.4. Có 100% số công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm			
		3.5. Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi			
		3.6. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ			
4	Điện	Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định	P. Kinh tế		
5	Giáo dục	5.1. Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS, hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 và có ít nhất 01 trường đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2	P. Giáo dục và Đào tạo		

		5.2. Duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi		
		5.3. Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và THCS		
		5.4. Đạt chuẩn xóa mù chữ		
		5.5. Cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá, xếp loại		
		5.6. Có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền		
6	Văn hóa	6.1. Có lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở điểm công cộng; các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên	P. Văn hóa và Thông tin	
		6.2. Di sản văn hóa được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đúng quy định		
		6.3. Tỷ lệ thôn, bản, ấp đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định và đạt chuẩn nông thôn mới		
7	Cơ sở HT thương mại NT	Có mô hình chợ thí điểm bảo đảm an toàn thực phẩm, hoặc chợ đáp ứng yêu cầu chung theo tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm	P. Kinh tế	
8	Thông tin và Truyền thông	8.1. Có điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân	P. Văn hóa và Thông tin	
		8.2. Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh		
		8.3. Có dịch vụ báo chí truyền thông		
		8.4. Có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội và tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới		
		8.5. Có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm xã, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng,...)		
9	Nhà ở dân cư	Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố	P. Quản lý đô thị	
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người (<i>triệu đồng/người</i>)	Chi cục Thống kê	
11	Nghèo đa chiều	Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025	P. Lao động - TBXH	
12	Lao động	12.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)		
		12.2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)		
		12.3. Tỷ lệ lao động làm việc trong các ngành kinh tế chủ lực trên địa bàn		
13	Tổ chức	13.1. Hợp tác xã hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định	P. Tài chính kế	

			hoạch	
	sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn	13.2. Có sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn hoặc tương đương còn thời hạn	P. Kinh tế	
		13.3. Có mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao, hoặc mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa các khâu, liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm	P. Kinh tế	
		13.4. Ứng dụng chuyển đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã	P. Kinh tế	
		13.5. Tỷ lệ sản phẩm chủ lực của xã được bán qua kênh thương mại điện tử	P. Kinh tế	
		13.6. Vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã được cấp mã vùng	P. Kinh tế	
		13.7. Có triển khai quảng bá hình ảnh điểm du lịch của xã thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội	P. Văn hóa và Thông tin	
		13.8. Có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hoá, môi trường)	P. Kinh tế	
14		Y tế	14.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	Phòng Y tế
	14.2. Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)		Phòng Y tế	
	14.3. Tỷ lệ người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)		Phòng Y tế	
	14.4. Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử		Phòng Y tế	
15	Hành chính công	15.1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính	P. Văn hóa và Thông tin (TT Hành chính công TP phối hợp)	
		15.2. Có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên		
		15.3. Giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp	Văn phòng HĐND& UBND tỉnh (TT Hành chính công TP phối hợp)	
16	Tiếp cận pháp luật	16.1. Có mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả được công nhận	P. Tư pháp	
		16.2. Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải được hòa giải thành		
		16.3. Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu		
17	Môi trường	17.1. Khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường	P. Tài nguyên&MT	CV 1522/BNN-VPDP ngày 13/5/2022 và CV số: 2155/BTNMT-
		17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ	P. Tài nguyên&MT	

		môi trường		TCMT ngay 25/4/2022
		17.3. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định	P. Tài nguyên&MT	
		17.4. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả	P. Tài nguyên&MT	
		17.5. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn	P. Tài nguyên&MT	
		17.6. Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường	P. Tài nguyên&MT	
		17.7. Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường	P. Kinh tế	
		17.8. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi bảo đảm các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường	P. Kinh tế	
		17.9. Nghĩa trang, cơ sở hỏa táng (nếu có) đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy hoạch	P. Quản lý đô thị	
		17.10. Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng	P. Tài nguyên&MT	
		17.11. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn	P. Quản lý đô thị	
		17.12. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định	P. Tài nguyên&MT	
18	Chất lượng môi trường sống	18.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung	P. Kinh tế + P. Quản lý đô thị	CV 1522/BNN-VPDP ngày 13/5/2022 và CV số: 2155/BTNMT-TCMT ngay 25/4/2022
		18.2. Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm	P. Kinh tế + P. Quản lý đô thị	
		18.3. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững	P. Kinh tế + P. Quản lý đô thị	
		18.4. Tỷ lệ chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn về an toàn thực phẩm	P. Kinh tế	
		18.5. Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của xã	P. Kinh tế	
		18.6. Tỷ lệ cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về ATTP	P. Kinh tế	
		18.7. Tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch	P. Tài nguyên&MT	
		18.8. Tỷ lệ bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn đảm bảo vệ sinh môi trường	P. Tài nguyên&MT	
19	Quốc phòng và An ninh	19.1. Nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ huy quân sự xã và lực lượng dân quân	Ban Chỉ huy quân sự	
		19.2. Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy, nổ) nghiêm trọng trở lên; có mô hình camera an ninh và các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả	Công an Thành phố	

Biểu III
PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ CHO CÁC PHÒNG, BAN NGÀNH HƯỚNG DẪN, KIỂM TRA, ĐÔN ĐỐC
THỰC HIỆN CÁC TIÊU CHÍ/ CHỈ TIÊU VỀ XÃ NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU GIAI ĐOẠN 2021 – 2025

(Kèm theo Công văn số: 330/UBND-KT ngày 30 tháng 01 năm 2024 của UBND thành phố)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Đơn vị chủ trì	Chi chú
1	Giao thông	1.1. Đường giao thông trực thôn được bê tông, hoặc nhựa hóa hoặc áp dụng công nghệ tiên tiến:	P. Quản lý Đô thị	
		- Xã vùng đồng bằng: $\geq 90\%$ tổng chiều dài đường trực thôn;		
		- Xã vùng miền núi, biên giới, hải đảo: $\geq 80\%$ tổng chiều dài đường trực thôn.		
		1.2. Có mô hình tuyến đường thôn sáng - xanh - sạch - đẹp.		
2	Môi trường	2.1. Có điểm xử lý tập trung rác thải hữu cơ, phế phụ phẩm nông nghiệp; tỷ lệ rác thải hữu cơ được xử lý thành phân vi sinh hoặc sản phẩm thân thiện với môi trường tối thiểu 85%.	P. Quản lý Đô thị, P. Kinh tế CT 2.1; P. Tài nguyên và Môi trường CT 2.2 và CT 2.3	
		2.2. Xử lý nước thải sinh hoạt		
		- Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả;		
		- Tỷ lệ số hộ sử dụng công trình công nghệ, có sử dụng chế phẩm sinh học.		
2.3. Công trình vệ sinh tự hoại hộ gia đình: xã vùng đồng bằng $\geq 95\%$; xã vùng miền núi, biên giới, hải đảo $\geq 85\%$.				
3	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người (<i>Triệu đồng/ người/ năm, trong đó năm 2022: 70,4; năm 2023: 74,8; năm 2024: 79,2; năm 2025: 83,6</i>)	Chi cục Thống kê	
4	Thôn NTM	Có 100% số thôn của xã đạt chuẩn thôn nông thôn mới.	P. Kinh tế và các phòng ban liên quan	
5	Mô hình thôn thông minh	Có ít nhất một mô hình thôn thông minh:	P. Văn hóa và Thông tin	
		- Có ứng dụng công nghệ số trong quản lý, điều hành;		
		- Tỷ lệ dân số trong thôn theo độ tuổi lao động có thuê bao sử dụng điện thoại thông minh: Đối với xã vùng đồng bằng đạt $\geq 85\%$; đối với xã vùng miền núi, biên giới, hải đảo đạt $\geq 60\%$;		
		- Các hộ gia đình đều được gắn mã số, địa chỉ số;		
		- Thôn có Truyền thanh ứng dụng Công nghệ thông tin - viễn thông;		
		- Có Camera an ninh gắn kết với hệ thống quản lý an ninh của xã;		
		- Có kênh trao đổi thông tin trực tuyến giữa người dân và chính quyền qua các nền tảng ứng dụng công nghệ số.		
6	Lĩnh vực xã NTM kiểu mẫu nổi trội	Có ít nhất một lĩnh vực nổi trội trong các lĩnh vực sau: sản xuất, ngành nghề nông thôn, giáo dục, văn hóa, du lịch, cảnh quan môi trường, an ninh trật tự, chuyển đổi số,... mang giá trị đặc trưng của địa phương đạt chuẩn; đối với xã chọn hai lĩnh vực thì mỗi lĩnh vực tối thiểu 90% yêu cầu.	phòng, ban, ngành theo lĩnh vực phụ trách	

Biểu IV

**PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ CHO CÁC PHÒNG, BAN NGÀNH HƯỚNG DẪN, KIỂM TRA,
ĐƠN ĐÓNG THỰC HIỆN CÁC TIÊU CHÍ/ CHỈ TIÊU GIAI ĐOẠN 2021-2025 VỀ
THÀNH PHỐ HOÀN THÀNH NHIỆM VỤ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI**
(Kèm theo Công văn số: 330/UBND-KT ngày 30 tháng 01 năm 2024 của UBND thành phố)

Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Đơn vị chủ trì	Ghi chú
	Chỉ tiêu chung		
1	Có 100% số xã trên địa bàn đạt chuẩn nông thôn mới (đáp ứng đầy đủ mức đạt chuẩn theo yêu cầu của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025)	P. Kinh tế	
2	Có ít nhất 01 xã trên địa bàn đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025	P. Kinh tế	
3	Có 100% số phường trên địa bàn đạt chuẩn đô thị văn minh	P. Văn hóa Thông tin	
4	Tỷ lệ hài lòng của người dân trên địa bàn đối với kết quả xây dựng nông thôn mới của thị xã, thành phố đạt từ 90% trở lên (trong đó có tỷ lệ hài lòng của người dân ở từng xã đối với kết quả thực hiện từng nội dung xây dựng nông thôn mới đạt từ 80% trở lên)	UB Mặt trận Tổ quốc thành phố	
5	Đất cây xanh sử dụng công cộng trong đô thị trên địa bàn tối thiểu là 5m ² /người	P. Quản lý đô thị	